BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

NGUYÊN TẮC THIỆN CHÍ TRONG PHÁP LUẬT HỢP ĐỒNG VIỆT NAM VỚI PHÁP LUẬT MỘT SỐ QUỐC GIA DƯỚI GÓC ĐỘ SO SÁNH

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI – 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

NGUYÊN TẮC THIỆN CHÍ TRONG PHÁP LUẬT HỢP ĐỒNG VIỆT NAM VỚI PHÁP LUẬT MỘT SỐ QUỐC GIA DƯỚI GÓC ĐỘ SO SÁNH

Chuyên ngành: Luật Dân sự và Tố tụng Dân sự
Mã số: 9 38 01 03

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội – 2020

MỞ ĐẦU

Nguyên tắc thiện chí là nguyên tắc cơ bản của hầu hết các hệ thống pháp luật trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, khoa học pháp lý Việt Nam dường như chưa có sự quan tâm đúng mức đến nguyên tắc này. Điều này được thể hiện qua số lượng cũng như mức độ chuyên sâu của các công trình nghiên cứu đề cập đến nguyên tắc này cũng như thực tiễn vận dụng nguyên tắc thiện chí của Tòa án Việt Nam để giải quyết các tranh chấp về hợp đồng.

Với sự ra đời của BLDS 2015, phạm vi điều chỉnh của nguyên tắc thiện chí đối với quan hệ hợp đồng Việt Nam đã được mở rộng đến mọi giai đoạn của đời sống hợp đồng: tiền hợp đồng, thực hiện hợp đồng và chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên, việc ghi nhận nguyên tắc thiện chí mang tính khái quát cao trong khi các quy định là biểu hiện của nguyên tắc thiện chí được ghi nhận trong của BLDS 2015 còn hạn chế đã khiến nguyên tắc thiện chí chưa được nhận thức đầy đủ và nhất quán, do đó ảnh hưởng không nhỏ đến việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia quan hệ hợp đồng cũng như chưa phản ánh được giá trị đích thực của Nhà nước pháp quyền mà Việt Nam đã và đang hướng tới. Trong khi đó, nguyên tắc thiện chí được xem là công cụ hữu hiệu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong các hệ thống pháp luật hiện đại ghi nhận nguyên tắc này như Đức, thậm chí tại một số hệ thống pháp luật không thừa nhận nguyên tắc thiện chí chung như Anh cũng vận dụng nguyên tắc này hoặc các biến thể của nó để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia quan hệ hợp đồng.

Với những lý do trên, nghiên cứu nguyên tắc thiện chí trong pháp luật hợp đồng Việt Nam là yêu cầu khách quan cả về lý luận và thực tiễn, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Do vậy, việc lựa chọn nghiên cứu đề tài *"Nguyên tắc thiện chí trong pháp luật hợp đồng Việt Nam với pháp luật một số quốc gia dưới góc độ so sánh"* sẽ có giá trị lý luận và thực tiễn.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là cơ sở lý luận của nguyên tắc thiện chí trong pháp luật hợp đồng Đức, Anh và Việt Nam. Trong đó đối với pháp luật hợp đồng Việt Nam, BLDS 2015 sẽ được sử dụng với tính cách là đối tượng nghiên cứu chính. Bên cạnh việc nghiên cứu lý luận, đề tài cũng nghiên cứu các bản án, quyết định của ba hệ thống pháp luật để minh họa cho các kết quả nghiên cứu lý luận. Mục đích nghiên cứu của luận án là làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, thực trạng quy định pháp luật cũng như thực tiễn áp dụng nguyên tắc thiện chí trong pháp luật hợp đồng Việt Nam trên cơ sở so sánh đối chiếu với pháp luật hợp đồng Đức và Anh. Trên cơ sở đó, luận án đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định là biểu hiện của nguyên tắc thiện chí trong BLDS 2015 theo xu hướng hiện đại và hội nhập, qua đó nâng cao hiệu quả điều chỉnh của nguyên tắc thiện chí trong pháp luật hợp đồng Việt Nam. Với mục đích này, luận án có nhiệm vụ nghiên cứu: Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về nguyên tắc thiện chí; Nghiên cứu so sánh nguyên tắc thiện chí và các biểu hiện của nguyên tắc thiện chí trong pháp luật hợp đồng Việt Nam với pháp luật hợp đồng của Đức và Anh (đại diện cho truyền thống Civil law và Common law); Đề xuất định hướng và giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện các quy định của BLDS năm 2015 là biểu hiện của nguyên tắc thiện chí. Để đạt được mục đích đặt ra, luận án sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Đối với pháp luật hợp đồng Việt Nam, luận án sẽ sử dụng các phương pháp luận đã nêu trên cơ sở quan điểm, mục tiêu, đường lối của Đảng và Nhà nước về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.

Những đóng góp mới của luận án gồm:

Thứ nhất, Luận án xây dựng một cách có hệ thống các vấn đề lý luận của nguyên tắc thiện chí trong pháp luật hợp đồng, bao gồm khái niệm nguyên tắc thiện chí trong pháp luật hợp đồng Việt Nam, chỉ ra đặc điểm, ý nghĩa của nguyên tắc thiện chí trong pháp luật hợp đồng cũng như phạm vi

của nguyên tắc thiện chí trong pháp luật hợp đồng Đức, Anh, Việt Nam.

Thứ hai, luận án phân tích các học thuyết có liên quan tới nguyên tắc thiện chí trên thế giới cũng như quan điểm của các học giả nổi tiếng trên thế giới về khái niệm thiện chí trong pháp luật hợp đồng. Từ đó luận án đưa ra khái niệm nguyên tắc thiện chí mang tính gợi mở cho pháp luật hợp đồng Việt Nam.

Thứ ba, luận án phân tích, đánh giá một cách khách quan, toàn diện thực trạng pháp luật và thực tiễn vận dụng nguyên tắc thiện chí trong giai đoạn tiền hợp đồng dưới góc độ so sánh pháp luật hợp đồng Đức, Anh và Việt Nam. Cụ thể, Luận án đi sâu phân tích biểu hiện của nguyên tắc thiện chí trong việc điều chỉnh hành vi đáng trách dẫn tới hợp đồng không được ký kết và hành vi đáng trách dẫn tới hợp đồng vô hiệu.

Thứ tư, luận án phân tích, đánh giá một cách khách quan, toàn diện thực trạng pháp luật và thực tiễn vận dụng nguyên tắc thiện chí trong giai đoạn thực hiện hợp đồng và chấm dứt hợp đồng dưới góc độ so sánh pháp luật hợp đồng Đức, Anh và Việt Nam cùng với việc nghiên cứu một số bản án, quyết định điển hình. Cụ thể là luận án đi sâu phân tích biểu hiện của nguyên tắc thiện chí trong việc điều chỉnh hợp đồng có nội dung không rõ ràng, hợp đồng thiếu nội dung không cơ bản, hợp đồng chứa đựng nội dung bất công, việc thực hiện hợp đồng dẫn tới bất công do hoàn cảnh thay đổi cơ bản và hạn chế quyền chấm dứt hợp đồng của bên bị vi phạm.

Thứ năm, luận án chỉ ra những bất cập còn tồn tại trong các quy định biểu hiện nguyên tắc thiện chí trong các giai đoạn của hợp đồng trong pháp luật Việt Nam và đề xuất kiến nghị hoàn thiện BLDS 2015 trên cơ sở tiếp thu pháp luật nước ngoài, sự phù hợp với lý thuyết hợp đồng Việt Nam và thực tiễn xét xử ở Việt Nam.

Ngoài phần mở đầu, tổng quan về tình hình nghiên cứu đề tài luận án, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận án gồm 3 chương:

Chương 1. Khái quát chung về nguyên tắc thiện chí trong pháp luật hợp đồng

Chương 2. Nguyên tắc thiện chí trong đàm phán tiền hợp đồng

Chương 3. Nguyên tắc thiện chí trong thực hiện và chấm dứt hợp đồng

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NGUYÊN TẮC THIỆN CHÍ TRONG PHÁP LUẬT HỢP ĐỒNG

1.1. Khái niệm thiện chí và nguyên tắc thiện chí

Dựa trên một số cách tiếp cận khái niệm thiện chí điển hình trên thế giới, NCS đồng tình với nhận định chung là không cần thiết đưa ra định nghĩa chính xác về nguyên tắc thiện chí bởi không một định nghĩa nào có thể khái quát được toàn bộ nội hàm của nguyên tắc này. Do có nội hàm mở, mềm dẻo cho phép áp dụng linh hoạt để điều chỉnh các quan hệ trong lĩnh vực hợp đồng nên nguyên tắc thiện chí nên được Tòa án xác định và hoàn thiện dần thông qua thực tiễn xét xử.

Tuy nhiên, để có bước khởi đầu trong việc xây dựng nội hàm của nguyên tắc thiện chí trong pháp luật hợp đồng Việt Nam, NCS mạnh dạn đưa ra khái niệm thiện chí mang tính gợi mở cho pháp luật hợp đồng Việt Nam trên cơ sở ba cách tiếp cận đầu như sau:

Thiện chí là nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự Việt Nam điều chỉnh quan hệ giữa các bên trong giai đoạn tiền hợp đồng, thực hiện hợp đồng và chấm dứt hợp đồng. Nguyên tắc thiện chí tạo ra chuẩn mực ứng xử cho các bên tham gia quan hệ hợp đồng dựa trên các tiêu chí hành xử trung thực, hợp lý trên tinh thần hợp tác và quan tâm đến lợi ích của nhau, loại trừ các hành xử có dụng ý xấu cũng như mọi hành xử trái với sự tin tưởng hợp lý của đối tác.

1.2. Đặc điểm và ý nghĩa của nguyên tắc thiện chí

Nguyên tắc thiện chí có 5 đặc điểm gồm: Nguyên tắc thiện chí là một nguyên tắc cơ bản của pháp luật hợp đồng chứa đựng các giá trị đạo đức; Nguyên tắc thiện chí là công cụ truyền tải các giá trị tốt đẹp của Hiến pháp vào pháp luật hợp đồng; Nguyên tắc thiện chí có nội dung biến đổi linh hoạt; Nguyên tắc thiện chí là nguồn của pháp luật hợp đồng; Nguyên tắc thiện chí là nguồn tạo ra nghĩa vụ.

Các đặc điểm nêu trên chính là các yếu tố quyết định ý nghĩa quan trọng của nguyên tắc thiện chí trong pháp luật hợp đồng gồm: là công cụ hữu hiệu đảm bảo cân bằng quyền và lợi ích của các bên tham gia quan hệ hợp đồng; là công cụ hữu hiệu để bảo đảm cho các quyền con người về dân sự, kinh tế được ghi nhận trong Hiến pháp được tôn trọng và bảo vệ trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của quốc gia, lợi ích dân tộc và lợi ích công cộng; là công cụ linh hoạt có thể điều chỉnh mọi tình huống phát sinh trong đời sống xã hội khi thiếu vắng các quy phạm pháp luật điều chỉnh trực tiếp; định hướng cho việc xây dựng các quy phạm pháp luật và cho phép Tòa án thông qua hoạt động xét xử đóng góp vào việc phát triển các quy phạm pháp luật mới; là công cụ định hướng cho cơ quan xét xử giải quyết các tranh chấp hợp đồng một cách chính xác, công bằng; bảo đảm cho sức sống lâu bền của BLDS.

1.3. Lược sử phát triển của nguyên tắc thiện chí trong pháp luật hợp đồng

Nguyên tắc thiện chí là nguyên tắc được hình thành và phát triển trước hết dựa trên sự tin tưởng của con người với con người trong xã hội, tiếp đó nguyên tắc này còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các tư tưởng tôn giáo, đạo đức, triết học và sự phát triển của kinh tế xã hội. Do vậy sự phát triển của nguyên tắc thiện chí không thể tách rời với các quan điểm về đạo đức, tôn giáo và triết học. Mặc dù có xuất phát điểm là một khái niệm đạo đức nhưng cùng với sự phát triển của xã hội loài người, thiện chí đã dần được bồi đắp, làm phong phú để trở thành một khái niệm pháp lý. Ngày nay nguyên tắc thiện chí được xem là nguyên tắc cơ bản của hầu hết các hệ thống pháp luật trên thế giới.

1.4. Phạm vi điều chỉnh của nguyên tắc thiện chí trong pháp luật hợp đồng

Trong ba hệ thống pháp luật, phạm vi điều chỉnh của nguyên tắc thiện chí trong pháp luật hợp đồng Anh là khiêm tốn nhất khi chỉ ghi nhận nguyên tắc này trong việc điều chỉnh các điều khoản bất công trong hợp đồng tiêu dùng, hợp đồng bảo hiểm. Khác với pháp luật hợp đồng Anh, nguyên tắc thiện chí là một nguyên tắc quan trọng trong hệ thống pháp luật tư nói chung và pháp luật hợp đồng

nói riêng của Việt Nam và Đức. Mặc dù có sự khác biệt trong việc ghi nhận minh thị phạm vi điều chỉnh của nguyên tắc này nhưng cả hệ thống pháp luật Việt Nam và Đức đều thừa nhận nguyên tắc thiện chí có phạm vi điều chỉnh rộng, xuyên suốt toàn bộ đời sống của hợp đồng bao gồm giai đoạn tiền hợp đồng, thực hiện hợp đồng và chấm dứt hợp đồng.

1.5. Mối tương quan giữa nguyên tắc thiện chí và nguyên tắc tự do hợp đồng

Nguyên tắc tự do hợp đồng và nguyên tắc thiện chí là hai trụ cột chính của pháp luật hợp đồng. Mối tương quan giữa hai nguyên tắc này được thể hiện qua việc nguyên tắc thiện chí là nguyên tắc được đặt ra nhằm khắc phục mặt trái của quyền tự do hợp đồng quá mức, bảo đảm quyền tự do hợp đồng của các bên cùng tồn tại một cách hợp lý cũng như bảo vệ cân bằng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Có thể nhận thấy nguyên tắc thiện chí không chỉ hỗ trợ cho nguyên tắc tự do hợp đồng (cũng như các nguyên tắc là hệ quả của nguyên tắc tự do hợp đồng) đạt được mục đích đặt ra mà còn khắc phục mặt trái của nguyên tắc tự do hợp đồng nhằm bảo đảm sự công bằng giữa các bên tham gia quan hệ hợp đồng, bảo vệ các giá trị đạo đức, trật tự công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba.

CHƯƠNG 2. NGUYÊN TẮC THIỆN CHÍ TRONG GIAI ĐOẠN TIỀN HỢP ĐỒNG

2.1. Mức độ ghi nhận nguyên tắc thiện chí trong giai đoạn tiền hợp đồng của pháp luật hợp đồng Đức, Anh và Việt Nam

Pháp luật hợp đồng Việt Nam và pháp luật hợp đồng Đức tuy cùng ghi nhận nguyên tắc thiện chí chung trong giai đoạn tiền hợp đồng cũng như áp đặt trách nhiệm pháp lý đối với những hành vi vi phạm nghĩa vụ thiện chí nhưng mức độ ghi nhận nguyên tắc này của pháp luật hợp đồng Việt Nam hẹp hơn pháp luật hợp đồng Đức. Trong khi pháp luật hợp đồng Đức ghi nhận nghĩa vụ này ngay khi các bên bước vào đàm phán tiền hợp đồng thì pháp luật hợp đồng Việt Nam chỉ ghi nhận nghĩa vụ thiện chí trong đàm phán tiền hợp đồng khi các bên đã bước vào đề nghị giao kết và chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng. Pháp luật hợp đồng Anh tỏ ra miễn cưỡng trong việc thừa nhận nguyên tắc thiện chí chung cũng như nghĩa vụ thiện chí giữa các bên trong đàm phán tiền hợp đồng, do đó, nhìn chung không thừa nhận trách nhiệm pháp lý trong đàm phán tiền hợp đồng. Tuy nhiên, pháp luật hợp đồng Anh cũng áp đặt trách nhiệm pháp lý đối với các hành vi không thiện chí trong đàm phán tiền hợp đồng dựa trên các học thuyết riêng lẻ (giải pháp từng phần). Nói cách khác, tuy có sự khác biệt về mức độ ghi nhận nguyên tắc thiện chí trong đàm phán tiền hợp đồng nhưng bằng các phương thức khác nhau, cả ba hệ thống pháp luật đều điều chỉnh những hành vi không thiện chí trong đàm phán tiền hợp đồng.

2.2. Hành vi không thiện chí dẫn tới hợp đồng không được ký kết

2.2.1. Hành vi không thiện chí dẫn tới hợp đồng không được ký kết trong pháp luật hợp đồng Đức

Trên cơ sở nguyên tắc tự do hợp đồng, về nguyên tắc pháp luật hợp đồng Đức cho phép các bên chấm dứt đàm phán tiền hợp đồng mà không phải chịu trách nhiệm pháp lý. Nói cách khác, pháp luật hợp đồng Đức trao cho các bên tham gia đàm phán tiền hợp đồng quyền lựa chọn tiếp tục đàm phán để đi đến ký kết hợp đồng hay chấm dứt đàm phán mà không phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với lựa chọn đó. Tuy nhiên, do tiếp cận nguyên tắc tự do hợp đồng dưới góc độ đạo đức xã hội nên pháp luật hợp đồng Đức cho rằng tự do ý chí của các bên tham gia đàm phán tiền hợp đồng phải hài hòa với các giá trị đạo đức xã hội, hay kết quả của ý chí tự nguyện của các bên (hợp đồng) phải hài hòa với lợi ích của xã hội và đàm phán tiền hợp đồng là một hình thức hợp tác thân thiện. Trên cơ sở đó, pháp luật hợp đồng Đức thừa nhận các bên tham gia đàm phán tiền hợp đồng có quan hệ nghĩa vụ đặc biệt (nghĩa vụ tiền hợp đồng) dựa trên sự tin tưởng hợp lý nên các bên không được có hành vi vi phạm nghĩa vụ thiện chí (hành vi có lỗi). Dựa trên nguyên tắc thiện chí, pháp luật hợp đồng Đức buộc bên có hành vi vi phạm nghĩa vụ thiện chí phải chịu trách nhiệm pháp lý tiền hợp đồng (trách nhiệm gần như trách nhiệm theo hợp đồng). Những hành vi bị xem là vi phạm nghĩa vụ thiện chí gồm: (1) cắt đứt đàm phán tiền hợp đồng không có lý do chính đáng; (2) bắt đầu đàm phán mặc dù không có ý định giao kết hợp đồng; (3) tiếp tục đàm phán mặc dù không còn ý định giao kết hợp đồng.

2.2.2. Hành vi không thiện chí dẫn tới hợp đồng không được ký kết trong pháp luật hợp đồng Anh

Do không thừa nhận giữa các bên tham gia đàm phán tiền hợp đồng tồn tại quan hệ nghĩa vụ đặc biệt nên về nguyên tắc, pháp luật hợp đồng Anh không thừa nhận trách nhiệm pháp lý trong đàm phán tiền hợp đồng ngay cả khi một bên có hành vi chấm dứt đàm phán không thiện chí. Mặc dù vậy, pháp luật hợp đồng Anh cũng có cơ chế bảo vệ quyền và lợi ích của các bên tham gia đàm phán tiền hợp đồng. Theo đó, dựa trên học thuyết được lợi bất công, pháp luật hợp đồng Anh sử dụng chế định hoàn trả tài sản nhằm buộc bên được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật phải hoàn trả những gì đã nhận được của đối tác.

Bên cạnh đó, dựa trên học thuyết về thể hiện sai gây nhầm lẫn, pháp luật hợp đồng Anh còn áp đặt trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đối với bên có hành vi không thiện chí dẫn tới hợp đồng không được ký kết nếu bên này cố ý hoặc vô ý thể hiện sai gây nhầm lẫn. Nghĩa là một bên tham gia đàm phán tiền hợp đồng sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu cố ý hoặc vô ý thực hiện những hành vi thể hiện không đúng với thực tế khiến bên kia bị thiệt hại do đã tin tưởng vào sự thể hiện đó.

2.2.3. Hành vi không thiện chí dẫn tới hợp đồng không được ký kết trong pháp luật hợp đồng Việt Nam

Tương tự pháp luật hợp đồng Đức, pháp luật hợp đồng Việt Nam ghi nhận nguyên tắc thiện chí chung trong cả giai đoạn tiền hợp đồng hay ghi nhận nghĩa vụ hành xử thiện chí của các bên khi tham gia đàm phán tiền hợp đồng. Mặc dù cũng ghi nhận nguyên tắc thiện chí chung nhưng phạm vi điều chỉnh của nguyên tắc thiện chí trong giai đoạn tiền hợp đồng theo pháp luật Việt Nam có phần hạn chế hơn so với pháp luật hợp đồng Đức. Đó là pháp luật hợp đồng Đức không chỉ có quy định điều chỉnh trực tiếp hành vi không thiện chí khi các bên đi đến đề nghị giao kết và chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng mà còn có quy định điều chỉnh hành vi không thiện chí ngay khi các bên tham gia đàm phán tiền hợp đồng, trong khi đó, pháp luật hợp đồng Việt Nam chỉ có quy định điều chỉnh trực tiếp hành vi không thiện chí liên quan đến đề nghị giao kết và chấp nhận đề nghị giao kết hợp đồng. Hệ quả là pháp luật hợp đồng Việt Nam chưa bảo vệ đầy đủ quyền và lợi ích của bên bị thiệt hại do hành vi không thiện chí dẫn tới hợp đồng không được ký kết nếu thiệt hại xảy ra không thuộc một trong hai trường hợp: (1) bên đề nghị giao kết hợp đồng chấm dứt đàm phán trong thời hạn chờ bên được đề nghị trả lời do đã tiến hành giao kết hợp đồng với người thứ ba và (2) vi phạm nghĩa thông tin.

2.3. Hành vi không thiện chí dẫn tới hợp đồng vô hiệu

2.3.1. Hành vi không thiện chí dẫn tới hợp đồng vô hiệu trong pháp luật hợp đồng Đức

Theo pháp luật hợp đồng Đức, hành vi không thiện chí dẫn tới hợp đồng vô hiệu có thể là hành vi cố ý như lừa dối, cưỡng ép nhưng cũng có thể là hành vi bất cẩn thể hiện sai gây nhầm lẫn. Hành vi lừa dối trong giai đoạn tiền hợp đồng là hành vi của một bên mặc dù nhận thức được sự sai lệch của thông tin hoặc không chắc chắn về tính chân thực của thông tin nhưng vẫn đưa ra thông tin đó nhằm tạo ra hoặc duy trì sự nhầm lẫn của đối tác khiến đối tác quyết định giao kết hợp đồng dựa trên thông tin không chính xác hoặc không đầy đủ. Bên bị lừa dối có quyền yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu do người thứ ba thực hiện nếu hành vi lừa dối của người thứ ba là vì lợi ích của một bên tham gia đàm phán tiền hợp đồng và hành vi này đã tác động đáng kể đến quyết định ký kết hợp đồng của bên bị lừa dối cho dù đối tác của bên bị lừa dối có biết về hành vi lừa dối do người thứ ba thực hiện hay không.

Bộ luật dân sự Đức mặc dù có quy định cụ thể điều chỉnh hành vi lừa dối được thực hiện trong đàm phán tiền hợp đồng nhưng lại thiếu vắng quy định cụ thể để điều chỉnh hành vi thể hiện sai gây nhầm lẫn được thực hiện trong giai đoạn này mà không phải là hành vi lừa dối. Xuất phát từ thực trạng đó, TATC liên bang Đức dựa trên nguyên tắc thiện chí và nguyên tắc *culpa in contrahendo* đã xây dựng cơ chế bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên bị thiệt hại do đã tin tưởng hợp lý vào hành vi thể hiện sai do bên kia bất cẩn thực hiện trong đàm phán tiền hợp đồng.

Theo pháp luật hợp đồng Đức, cưỡng ép là hành vi gây áp lực của một bên tham gia đàm phán tiền hợp đồng nhằm tác động lên ý chí của đối tác khiến đối tác đưa ra quyết định giao kết hợp đồng trái với mong muốn. Trên cơ sở Điều 123 BLDS Đức và thực tiễn xét xử, khoa học pháp lý Đức khái quát các hành vi cưỡng ép dẫn tới hợp đồng vô hiệu gồm: (1) bản chất của hành vi cưỡng ép là bất hợp pháp, (2) bản chất của hành vi cưỡng ép là hợp pháp nhưng kết quả (hợp đồng) là trái pháp luật,

hoặc (3) không có mối liên hệ chặt chẽ giữa hành vi cưỡng ép và kết quả đạt được. Xuất phát từ quan điểm ý chí của bên bị cưỡng ép bị tác động mạnh hơn so với ý chí của bên bị lừa dối, pháp luật hợp đồng Đức trao cho bên bị cưỡng ép quyền yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu đối với các hợp đồng được xác lập do chịu tác động của người thứ ba ngay cả trong trường hợp bên kia không biết và cũng không buộc phải biết về hành vi cưỡng ép mà người thứ ba thực hiện.

2.3.2. Hành vi không thiện chí dẫn tới hợp đồng vô hiệu trong pháp luật hợp đồng Anh

Bên cạnh việc sử dụng học thuyết về thể hiện sai gây nhầm lẫn để điều chỉnh các hành vi thể hiện sai gây nhầm lẫn được thực hiện trong đàm phán tiền hợp đồng dẫn tới hợp đồng không được giao kết, pháp luật hợp đồng Anh còn sử dụng học thuyết này để điều chỉnh hành vi thể hiện sai gây nhầm lẫn được thực hiện trong đàm phán tiền hợp đồng dẫn tới hợp đồng vô hiệu.

Pháp luật hợp đồng Anh trước đây không thừa nhận nghĩa vụ cung cấp thông tin trong đàm phán tiền hợp đồng dựa trên học thuyết *caveat emptor* và do đó không xem việc im lặng không cung cấp thông tin là hành vi thể hiện sai gây nhầm lẫn. Tuy nhiên, theo thời gian pháp luật hợp đồng Anh đã thừa nhận các ngoại lệ của *caveat emptor*, theo đó, các bên tham gia đàm phán tiền hợp đồng có nghĩa vụ phải cung cấp thông tin cho đối tác trong một số trường hợp nhất định để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đối tác. Trong những trường hợp này, nếu một bên im lặng không cung cấp thông tin cần thiết cho đối tác thì hành vi không cung cấp thông tin đồng nghĩa với hành vi thể hiện sai gây nhầm lẫn và phải chịu trách nhiệm pháp lý. Mặc dù hành vi thể hiện quan điểm cá nhân về nguyên tắc không bị xem là hành vi thể hiện sai gây nhầm lẫn nhưng nếu bên thể hiện quan điểm cá nhân là người có vị trí, trình độ hoặc kỹ năng khiến đối tác tin tưởng một cách hợp lý vào hành vi thể hiện sai do bất cẩn dẫn quyết định giao kết hợp đồng trái với mong muốn thì hành vi thể hiện quan điểm cá nhân một cách bất cẩn bị xem là hành vi thể hiện sai gây nhầm lẫn do bất cẩn và do đó phải chịu trách nhiệm pháp lý.

Mặc dù không thừa nhận cũng như không sử dụng nguyên tắc thiện chí chung để điều chỉnh hợp đồng được giao kết dưới tác động của áp lực không chính đáng trong đàm phán tiền hợp đồng nhưng pháp luật hợp đồng Anh cũng đạt được kết quả tương tự như pháp luật hợp đồng Đức thông qua việc sử dụng học thuyết về cưỡng ép *(the doctrine of duress)* và học thuyết về ảnh hưởng không chính đáng *(the doctrine of undue influence)* - những học thuyết được xem là giải pháp thay thế cho nguyên tắc thiện chí chung. Trong đó học thuyết về ảnh hưởng không chính đáng đóng vai trò bổ sung cho học thuyết về cưỡng ép nhằm giảm bớt sự cứng nhắc của học thuyết về cưỡng ép và bảo đảm sự công bằng giữa các bên tham gia đàm phán tiền hợp đồng. Bên cạnh đó, để bảo vệ quyền và lợi ích của bên bị cưỡng ép, pháp luật hợp đồng Anh sử dụng học thuyết về được lợi bất công để khắc phục hệ quả của hành vi cưỡng ép, theo đó, buộc bên cưỡng ép phải hoàn trả cho bên bị cưỡng ép những lợi ích đã nhận được.

Có thể thấy học thuyết về ảnh hưởng không chính đáng đã phản ánh một phần nội dung của nguyên tắc thiện chí thông qua việc giả định sự tồn tại của ảnh hưởng không chính đáng trong các quan hệ tin tưởng (quan hệ mang tính đạo đức), theo đó đòi hỏi bên có lợi thế phải quan tâm đến lợi ích hợp pháp của bên có vị thế bất lợi hơn và mọi hành xử của bên có lợi thế đi ngược lại với sự quan tâm cần có đối với lợi ích hợp pháp của bên có vị thế bất lợi đều bị xem là hành xử gây ảnh hưởng không chính đáng hay nói cách khác là hành xử không thiện chí.

2.3.3. Hành vi không thiện chí dẫn tới hợp đồng vô hiệu trong pháp luật hợp đồng Việt Nam

Pháp luật hợp đồng Việt Nam cũng như pháp luật hợp đồng Đức và pháp luật hợp đồng Anh đều có cơ chế điều chỉnh hành vi thể hiện sai gây nhầm lẫn được thực hiện trong đàm phán tiền hợp

đồng nhằm loại bỏ những bất công mà hành vi này có thể gây ra. Tương tự như pháp luật hợp đồng hai quốc gia nói trên, pháp luật hợp đồng Việt Nam cũng dựa trên nhận thức của bên thực hiện hành vi thể hiện sai gây nhầm lẫn trong đàm phán tiền hợp đồng để phân biệt hai loại hành vi thể hiện sai gây nhầm lẫn là lừa dối (cố ý thể hiện sai gây nhầm lẫn) và thể hiện sai gây nhầm lẫn do bất cẩn. Tuy nhiên pháp luật hợp đồng Việt Nam bảo vệ bên bị lừa dối mạnh hơn so với pháp luật hợp đồng Đức trước những hành vi không thiện chí được thực hiện bằng các thủ đoạn gian dối nhằm dẫn dắt bên bị lừa dối giao kết hợp đồng trái với ý chí. Bên cạnh đó, BLDS 2015 có quy định điều chỉnh trực tiếp hành vi thể hiện sai gây nhầm lẫn do bất cẩn trong khi BLDS Đức thiếu vắng quy định điều chỉnh trực tiếp vấn đề này. Mặc dù BLDS Đức và BLDS 2015 đều trao cho bên giao kết hợp đồng do tác động của hành vi thể hiện sai gây nhầm lẫn quyền lựa chọn giữa việc thừa nhận hiệu lực của hợp đồng đã ký kết và yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu nhưng BLDS 2015 ghi nhận nguyên tắc thiện chí ở mức độ rộng, cho phép bảo vệ cân bằng lợi ích của các bên cũng như bảo vệ được lợi ích kinh tế chung của xã hội là không chỉ thừa nhận nguyên tắc thiện chí trong việc trao quyền yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu của bên đã giao kết hợp đồng do chịu ảnh hưởng của hành vi thể hiện sai gây nhầm lẫn do bất cẩn mà còn được thể hiện qua việc hạn chế quyền yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu của bên này.

Tương tự pháp luật hợp đồng Đức và Anh, pháp luật hợp đồng Việt Nam cũng không thừa nhận giá trị ràng buộc của những hợp đồng được giao kết do tác động của hành vi gây áp lực bất hợp pháp (đe dọa, cưỡng ép). Tuy nhiên, pháp luật hợp đồng Việt Nam dường như chưa điều chỉnh hành vi gây áp lực có bản chất hợp pháp nhưng được sử dụng để đạt được mục đích không chính đáng.

2.4. Kiến nghị Chương 2

Thứ nhất, xây dựng tiểu mục "Đàm phán tiền hợp đồng". Để các quy định điều chỉnh hành xử của các chủ thể tham gia đàm phán tiền hợp đồng của pháp luật hợp đồng Việt Nam tương thích hơn với pháp luật hợp đồng của các hệ thống pháp luật hiện đại, BLDS Việt Nam cần bổ sung thêm tiểu mục về "Đàm phán tiền hợp đồng" trước Tiểu mục về "Giao kết hợp đồng" tại Mục 7 Chương XV Phần thứ ba của BLDS 2015.

Thứ hai, xây dựng quy định chung về nghĩa vụ thiện chí trong đàm phán tiền hợp đồng. Trong Tiểu mục về "Đàm phán tiền hợp đồng" cần bổ sung quy định về nghĩa vụ thiện chí trong đàm phán tiền hợp đồng với những nội dung sau:

Điều ...: Nghĩa vụ đàm phán thiện chí

(1) *Cá nhân, pháp nhân có quyền tự do đàm phán tiền hợp đồng nhưng phải tuân thủ nguyên tắc thiện chí.*

(2) *Bên vi phạm nghĩa vụ thiện chí phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên kia. Thiệt hại được bồi thường không bao gồm lợi ích lẽ ra bên bị thiệt hại được hưởng nếu hợp đồng được giao kết.*

Thứ ba, sửa đổi quy định "thông tin trong giao kết hợp đồng".

Cần đưa quy định "thông tin trong giao kết hợp đồng" vào tiểu mục "Đàm phán tiền hợp đồng" và đổi tên thành "Thông tin trong đàm phán tiền hợp đồng" với nội dung được chỉnh sửa như sau:

"Điều... Thông tin trong đàm phán tiền hợp đồng:

(1) Bên có thông tin ảnh hưởng đến quyết định giao kết hợp đồng của bên kia phải thông báo cho bên kia biết thông tin đó nếu bên kia không có khả năng tiếp cận thông tin hoặc đã đặt niềm tin hợp lý vào bên có thông tin.

(2) ...

(3). Bên bị thiệt hại do hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại và yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu theo Điều 126 và 127 của Bộ luật này".

Thứ tư, hướng dẫn làm rõ quy định về giao dịch dân sự vô hiệu do bị đe dọa, cưỡng ép. Nếu Việt Nam lựa chọn việc bảo vệ mạnh mẽ bên không có lỗi do chịu áp lực lớn hơn so với hành vi lừa dối như pháp luật hợp đồng Đức thì đoạn 3 Điều 127 BLDS 2015 cần được diễn giải là bên bị đe dọa, cưỡng ép bởi hành vi của người thứ ba có quyền yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu ngay cả trong trường hợp bên còn lại không biết hoặc không buộc phải biết về hành vi đe dọa của người thứ ba. Nếu Việt Nam lựa chọn giải pháp bảo vệ cân bằng quyền và lợi ích của các bên thì đoạn 3 Điều 127 BLDS 2015 cần được diễn giải là bên bị đe dọa, cưỡng ép bởi hành vi của người thứ ba chỉ có quyền yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu trong trường hợp bên còn lại biết hoặc buộc phải biết về hành vi đe dọa của người thứ ba. Do vậy, đoạn 3 Điều 127 BLDS 2015 cần được hướng dẫn, làm rõ vấn đề này để việc hiểu và áp dụng pháp luật được thống nhất.

CHƯƠNG 3. NGUYÊN TẮC THIỆN CHÍ TRONG GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

3.1. Nguyên tắc thiện chí trong giai đoạn thực hiện hợp đồng

Thực hiện hợp đồng là giai đoạn hiện thực hóa quyền và nghĩa vụ của các bên dựa trên nội dung của hợp đồng đã được giao kết hợp pháp hay biến các điều khoản đã cam kết trở thành hiện thực. Trong thực tiễn, không phải trong mọi trường hợp việc thực hiện hợp đồng đều diễn ra suôn sẻ do hợp đồng có nội dung không rõ ràng, hợp đồng không chứa đựng một số nội dung không cơ bản, hợp đồng có nội dung bất công hoặc việc thực hiện hợp đồng sẽ dẫn tới sự bất công thái quá đối với một bên do hoàn cảnh hình thành hợp đồng đã thay đổi đáng kể. Trong các trường hợp này, ba hệ thống pháp luật áp dụng nguyên tắc thiện chí hoặc giải pháp thay thế để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng diễn ra trôi chảy và bảo vệ cân bằng quyền, lợi ích hợp pháp của các bên. Do đó, khi phân tích nguyên tắc thiện chí trong thực hiện hợp đồng chúng ta cần phân tích nguyên tắc thiện chí được thể hiện qua các giải pháp mà pháp luật hợp đồng Đức, Anh và Việt Nam sử dụng để điều chỉnh các tình huống: (1) Hợp đồng có nội dung không rõ ràng; (2) Hợp đồng không chứa đựng một số nội dung không cơ bản; (3) Hợp đồng có nội dung bất công do một bên giao kết hợp đồng không có khả năng đàm phán; và (4) Thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản.

3.1.1. Hợp đồng có nội dung không rõ ràng

Trong trường hợp các bên xác lập hợp đồng không thống nhất về nghĩa của một hoặc một số điều khoản của hợp đồng thì theo truyền thống các hệ thống pháp luật có thể lựa chọn phương pháp giải thích hợp đồng chủ quan hoặc giải thích hợp đồng khách quan. Ngày nay, dưới tác động của giao thoa xã hội và thương mại, các hệ thống pháp luật đều nhận thấy sự tin tưởng hợp lý cần phải được bảo vệ, do đó, hầu hết các hệ thống pháp luật hiện đại kết hợp cả phương pháp chủ quan và phương pháp khách quan trong giải thích hợp đồng.

Trong pháp luật hợp đồng Đức, việc điều chỉnh hợp đồng có nội dung không rõ ràng được thực hiện thông qua chế định giải thích hợp đồng. Ban đầu, hoạt động này xuất phát chủ yếu dưới góc độ chủ quan nhưng sau cải cách năm 2002, xuất phát điểm để giải thích hợp đồng của pháp luật hợp đồng Đức đã chuyển từ giải thích chủ quan (truy tìm ý chí chung của các bên) sang giải thích khách quan (tiêu chí "một người bình thường trong hoàn cảnh tương tự"). Tuy nhiên vẫn có thể nhận thấy các yếu tố chủ quan được thể hiện trong cách tiếp cận khách quan bởi nghĩa của điều khoản cần giải thích không chỉ được xác định theo cách hiểu của một người bình thường mà hơn thế nó phải được giải nghĩa theo cách hiểu của một người bình thường được đặt vào vị trí của các bên trong hợp đồng.

Cơ sở của cách tiếp cận khách quan trong giải thích hợp đồng của pháp luật hợp đồng Đức là bảo đảm sự cân bằng giữa các bên trong quan hệ hợp đồng được thể hiện qua hai khía cạnh. Thứ nhất, qua việc giải thích hợp đồng dựa trên cách hiểu của một người bình thường, cách tiếp cận này cảnh báo các bên tham gia quan hệ hợp đồng thận trọng trong việc sử dụng từ ngữ bởi họ phải chịu trách nhiệm với các tuyên bố ý chí của mình và pháp luật bảo vệ sự tin tưởng chính đáng của người đã tin vào nghĩa khách quan của điều khoản hợp đồng. Thứ hai, qua việc giải thích hợp đồng dựa trên cách hiểu của một người bình thường được đặt vào vị trí thực tế của các bên, cách tiếp cận này sẽ ngăn cản Tòa án sử dụng các yếu tố trừu tượng như sự công bằng hay hợp lý để giải thích hợp đồng một cách tùy tiện.

Trong pháp luật hợp đồng Anh, việc điều chỉnh hợp đồng có nội dung không rõ ràng được thực hiện thông qua chế định giải thích hợp đồng. Vốn có xuất phát điểm là giải thích dựa trên nghĩa đen của câu chữ chứ không xem xét đến các chứng cứ ngoài hợp đồng nhưng cùng với sự phát triển của pháp luật hợp đồng, pháp luật hợp đồng Anh đã có cách tiếp cận mở hơn đối với việc giải thích điều

khoản hợp đồng không rõ ràng, theo đó, điều khoản không rõ ràng của hợp đồng sẽ được giải thích trong bối cảnh hợp đồng được hình thành. Ngày nay pháp luật hợp đồng Anh chủ yếu sử dụng phương pháp khách quan trong việc giải thích hợp đồng.

Thông qua việc sử dụng phương pháp giải thích hợp đồng khách quan - dựa trên tiêu chí hành xử của một người bình thường trong hoàn cảnh tương tự, có thể thấy rằng pháp luật hợp đồng Anh đã gián tiếp áp dụng nguyên tắc thiện chí vào giải thích hợp đồng bởi *"một người bình thường biết suy nghĩ sẽ hành xử và có phản ứng một cách thiện chí trong cuộc sống thường ngày"*.

Trong pháp luật hợp đồng Việt Nam, việc điều chỉnh hợp đồng có nội dung không rõ ràng cũng được thực hiện thông qua chế định giải thích hợp đồng. Pháp luật hợp đồng Việt Nam ưu tiên lựa chọn phương pháp giải thích hợp đồng chủ quan – truy tìm ý chí của các bên làm xuất phát điểm cho việc giải thích hợp đồng. Tuy kế thừa phương pháp chủ quan làm xuất phát điểm cho hoạt động giải thích hợp đồng nhưng so với BLDS 1995 và BLDS 2005, BLDS 2015 đã thể hiện rõ nét hơn việc kết hợp các yếu tố khách quan để xác định ý chí chung của các bên tham gia quan hệ hợp đồng. Như vậy, mặc dù lựa chọn xuất phát điểm để giải thích hợp đồng là phương pháp chủ quan nhưng pháp luật hợp đồng Việt Nam cũng kết hợp cả các yếu tố khách quan để giải thích hợp đồng như *"mục đích"*, *"tính chất"* của hợp đồng hay *"tập quán"* và ở một khía cạnh nhất định các yếu tố này còn là các biểu hiện của nguyên tắc thiện chí trong việc giải thích ý chí của các bên khi ý chí đó không được thể hiện rõ. Hơn nữa, sự kết hợp này còn thể hiện qua việc BLDS 2015 đưa ra tiêu chuẩn ứng xử buộc các bên phải tuân theo là phù hợp với nguyên tắc thiện chí và lẽ công bằng.

Như vậy, mặc dù có sự khác biệt trong việc lựa chọn xuất phát điểm giải thích hợp đồng nhưng pháp luật hợp đồng Việt Nam cũng như pháp luật hợp đồng Đức và Anh kết hợp cả giải thích chủ quan và giải thích khách quan cũng như đều vận dụng nguyên tắc thiện chí trong việc giải thích hợp đồng.

3.1.2. Hợp đồng không chứa đựng một số nội dung

Để lấp đầy những khoảng trống do hợp đồng không chứa đựng một số nội dung không cơ bản, pháp luật hợp đồng Đức dựa trên nguyên tắc thiện chí để bổ sung nội dung còn thiếu của hợp đồng dựa trên giải thích hợp đồng (chức năng bổ sung) để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên và bảo đảm cho hợp đồng được thực hiện. Theo đó, trước hết hoạt động giải thích bổ sung hợp đồng được tiến hành dựa trên việc xem xét các quy phạm pháp luật mặc định. Trong trường hợp các quy phạm này không thể điều chỉnh tình huống ngoài dự liệu của các bên, hoạt động giải thích bổ sung sẽ được tiến hành dựa trên mục đích của hợp đồng và ứng xử của các bên phù hợp với hành xử của một người bình thường tuân thủ nguyên tắc thiện chí và tập quán thương mại. Giải thích bổ sung hợp đồng là bổ sung các nghĩa vụ phụ không được thể hiện rõ trong nội dung của hợp đồng mà các bên đã xác lập. Nếu nghĩa vụ phụ không được thể hiện rõ là những nghĩa vụ mặc nhiên được các bên thừa nhận dựa trên tính chất, mục đích và hoàn cảnh xác lập hợp đồng thì Tòa án Đức sẽ làm rõ nghĩa vụ đó dựa trên việc xác định ý chí thực của các bên trong quan hệ hợp đồng thông qua hành xử của họ. Nếu dựa trên hành xử của các bên không cho phép xác định ý chí thực của các bên về nghĩa vụ phụ thì Tòa án Đức sẽ dựa trên nguyên tắc thiện chí, cụ thể là dựa trên các yếu tố khách quan như hoàn cảnh giao kết hợp đồng, tính chất, mục đích của hợp đồng được giao kết để suy đoán ý định thực của các bên.

Nếu không nằm trong các trường hợp trên thì Tòa án sẽ dựa trên quy phạm pháp luật mặc định để xác định nghĩa vụ phụ không được thể hiện trong hợp đồng. Điều đó có nghĩa là nếu các bên không có thỏa thuận rõ ràng về việc không áp dụng cũng như không thỏa thuận một nghĩa vụ trái với nghĩa vụ được ghi nhận theo quy phạm mặc định thì quy phạm pháp luật này được xem là đương nhiên có hiệu lực và do đó nghĩa vụ phụ được ghi nhận trong quy phạm pháp luật mặc định sẽ mặc nhiên được

bổ sung vào hợp đồng, do đó nghĩa vụ phụ này còn được biết đến là nghĩa vụ phụ ngầm định theo pháp luật. Có thể thấy dựa trên quy phạm pháp luật mặc định, Tòa án Đức đã tiếp cận hoạt động giải thích bổ sung hợp đồng một cách khách quan – không dựa trên ý chí chủ quan của các bên mà dựa trên quy phạm pháp luật để xác định nghĩa vụ phụ không được ghi nhận trong hợp đồng.

Trong trường hợp văn bản pháp luật không chứa đựng quy phạm mặc định điều chỉnh vấn đề cần được giải quyết thì Tòa án Đức sẽ dựa trên nguyên tắc thiện chí được ghi nhận tại Điều 157 và Điều 242 BLDS Đức để xác định nghĩa vụ phụ không được ghi nhận trong hợp đồng. Theo đó, Tòa án Đức vận dụng nguyên tắc thiện chí để bổ sung vào hợp đồng các nghĩa vụ phụ như nghĩa vụ cẩn trọng, bảo vệ, thông tin, … dựa trên đòi hỏi các bên tham gia hợp đồng đều phải hành xử theo tinh thần thiện chí.

Trong pháp luật hợp đồng Anh, nếu nội dung của hợp đồng thiếu điều khoản không cơ bản điều chỉnh vấn đề mà các bên đang tranh chấp, học thuyết về điều khoản ngầm định *(implied terms)* sẽ được sử dụng để khắc phục thiếu sót này. Pháp luật hợp đồng Anh chia điều khoản ngầm định ra thành hai loại chính: điều khoản ngầm định theo quy định của pháp luật và điều khoản ngầm định do Tòa án xác định. Điều khoản ngầm định theo quy định của pháp luật được Tòa án bổ sung vào hợp đồng dựa trên quy định cụ thể của văn bản luật hoặc chính sách công. Trong trường hợp không thể xác định được điều khoản ngầm định theo quy định của pháp luật, để hoàn thiện hợp đồng, Tòa án Anh sẽ xác định điều khoản ngầm định dựa trên tập quán, dựa trên án lệ và dựa trên các tình huống thực tế. Trên cơ sở các loại điều khoản ngầm định cũng như điều kiện áp dụng và mục đích mà học thuyết về điều khoản ngầm định hướng tới, có thể nhận thấy pháp luật hợp đồng Anh cũng có xu hướng thừa nhận nguyên tắc thiện chí trong hoạt động bổ sung nội dung còn thiếu của hợp đồng.

Ở Việt Nam, BLDS 2015 không ghi nhận việc bổ sung một số điều khoản không được ghi nhận trong hợp đồng là một trường hợp giải thích hợp đồng. Tuy nhiên, BLDS 2015 nhìn chung cũng sử dụng các giải pháp tương tự như pháp luật hợp đồng Đức và Anh để điều chỉnh tình huống các bên không dự liệu hoặc cố ý bỏ qua vào thời điểm giao kết hợp đồng. Bộ luật Dân sự 2015 không chỉ chỉ ra thứ tự ưu tiên áp dụng pháp luật mà còn chỉ ra thứ tự áp dụng quy tắc bổ sung các nội dung không được ghi nhận trong hợp đồng. Theo đó, nếu các bên không có thỏa thuận (được thể hiện trong hợp đồng) thì trước hết Tòa án sẽ dựa trên các quy định pháp luật để bổ sung nội dung còn thiếu của hợp đồng bởi nội dung của hợp đồng không chỉ bao gồm các điều khoản cơ bản hay điều khoản tùy nghi được các bên thể hiện minh thị trong hợp đồng mà còn bao gồm các điều khoản thông thường (điều khoản thông lệ) – điều khoản do pháp luật quy định và mặc nhiên áp dụng nếu các bên không có thỏa thuận khác. Trong trường hợp pháp luật không có quy phạm điều chỉnh tình huống tranh chấp thì việc bổ sung hợp đồng sẽ được thực hiện dựa trên tập quán. Trong trường hợp không thể dựa trên tập quán thì việc bổ sung hợp đồng sẽ được thực hiện dựa trên các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự trong đó có nguyên tắc thiện chí, án lệ và lẽ công bằng.

Trên cơ sở các quy định của BLDS 2015, có thể khẳng định bên cạnh việc sử dụng các quy phạm pháp luật để xác định quyền và nghĩa vụ (nghĩa vụ phụ) không được các bên thể hiện trong hợp đồng, pháp luật hợp đồng Việt Nam còn vận dụng nguyên tắc thiện chí, lẽ công bằng để xác định nghĩa vụ phụ dựa trên giả định các bên tham gia hợp đồng có nghĩa vụ hành xử thiện chí phù hợp với tính chất, mục đích cũng như hoàn cảnh xác lập hợp đồng tương tự như pháp luật hợp đồng Đức.

Như vậy, mặc dù sử dụng các giải pháp kỹ thuật khác nhau nhưng nhìn chung cả ba hệ thống pháp luật đều hướng tới một mục đích chung là lấp đầy các khoảng trống của hợp đồng mà các bên đã bỏ qua hoặc không thể dự liệu được vào thời điểm xác lập hợp đồng nhằm bảo đảm cho hợp đồng

đã được ký kết được thực hiện cũng như bảo vệ cân bằng quyền và lợi ích của các bên dựa trên các quy phạm mặc định cũng như dựa trên nguyên tắc thiện chí.

3.1.3. Hợp đồng có nội dung bất công

Trong pháp luật hợp đồng Đức, hợp đồng có nội dung bất công chủ yếu được điều chỉnh bởi chức năng hạn chế và chức năng giải thích của nguyên tắc thiện chí với các quy định từ Điều 305 đến Điều 310 BLDS Đức. Đây là cơ chế xác định điều khoản theo mẫu có hiệu lực hay không thông qua việc trước hết xác định điều khoản theo mẫu có phải là một điều khoản của hợp đồng hay không, tiếp đó là đánh giá điều khoản theo mẫu có mang tính bất công hay không. Trong trường hợp điều khoản theo mẫu có nội dung không rõ ràng, pháp luật hợp đồng Đức sẽ tiến hành giải thích điều khoản này. Để xác định điều khoản theo mẫu có phải là một phần của hợp đồng hay không, pháp luật hợp đồng Đức căn cứ vào các điều kiện được quy định tại khoản 2 Điều 305 và khoản 1 Điều 305c BLDS Đức. Để xác định tính bất công của điều khoản theo mẫu, pháp luật hợp đồng Đức dựa trên nguyên tắc chung là điều khoản theo mẫu không được trái với yêu cầu của nguyên tắc thiện chí, gây bất lợi một cách vô lý cho bên không soạn thảo được quy định tại Điều 307 BLDS Đức. Nói cách khác, điều khoản theo mẫu sẽ bị coi là bất công nếu bên soạn thảo điều khoản này lợi dụng vị thế để theo đuổi lợi ích bất chấp lợi ích của đối tác. Bên cạnh đó, tính bất công của điều khoản theo mẫu còn được kiểm soát dựa trên hai danh sách mở được quy định tại Điều 309 BLDS Đức (danh sách điều khoản luôn bị coi là bất công và do đó vô hiệu tuyệt đối) và Điều 308 BLDS Đức (danh sách điều khoản sẽ bị xem là bất công nếu bên soạn thảo không chứng minh được điều ngược lại). Để giải thích điều khoản theo mẫu, pháp luật hợp đồng Đức dựa trên nguyên tắc *interpretatio contra proferentem*, theo đó điều khoản theo mẫu có nội dung không rõ ràng phải được giải thích theo hướng có lợi cho bên không soạn thảo.

Trong pháp luật hợp đồng Anh, cơ chế kiểm soát điều khoản bất công hiện nay được điều chỉnh bởi Đạo luật về Điều khoản bất công 1977, Đạo luật về Bảo vệ người tiêu dùng 2015 và án lệ. Điều đáng nói là mặc dù không thừa nhận nguyên tắc thiện chí chung trong đàm phán tiền hợp đồng nhưng thông qua hai văn bản trên, pháp luật hợp đồng Anh đã tiếp cận nguyên tắc thiện chí ở một mức độ nhất định. Nếu Đạo luật về Điều khoản bất công 1977 chỉ dừng lại ở việc sử dụng một khái niệm gần gũi với khái niệm thiện chí là "sự hợp lý" để đánh giá tính bất công của một điều khoản hợp đồng thì Đạo luật về Bảo vệ người tiêu dùng 2015 đã trực tiếp sử dụng thuật ngữ thiện chí để đưa ra nguyên tắc đánh giá tính bất công của điều khoản theo mẫu. Theo đó, điều khoản do một bên đơn phương soạn thảo sẽ bị coi là bất công nếu trái với thiện chí, tạo ra sự chênh lệch quá mức về quyền và lợi ích theo hướng bất lợi cho người tiêu dùng.

Dựa vào các phân tích trên có thể thấy cơ chế kiểm soát điều khoản theo mẫu của pháp luật hợp đồng Anh cũng phản ánh chức năng hạn chế và chức năng giải thích của nguyên tắc thiện chí tương tự như pháp luật hợp đồng Đức. Theo đó, pháp luật hợp đồng Anh trước hết xác định điều khoản theo mẫu có phải là một điều khoản của hợp đồng hay không. Nếu điều khoản theo mẫu đáp ứng yêu cầu này thì pháp luật hợp đồng Anh sẽ tiến hành đánh giá điều khoản theo mẫu có mang tính bất công hay không. Trong trường hợp điều khoản theo mẫu có nội dung không rõ ràng, pháp luật hợp đồng Anh sẽ tiến hành giải thích điều khoản đó.

Trong pháp luật hợp đồng Việt Nam, cơ chế kiểm soát điều khoản bất công hiện nay được điều chỉnh chủ yếu bởi BLDS 2015 và Luật Bảo vệ người tiêu dùng 2010. Trên cơ sở các quy định của BLDS 2015 về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung và luật Bảo vệ người tiêu dùng 2010, có thể nhận thấy cơ chế kiểm soát tính bất công của điều khoản theo mẫu trong pháp luật hợp đồng Việt Nam tương tự như pháp luật hợp đồng Đức và Anh. Nghĩa là trước hết pháp luật hợp đồng Việt

Nam sẽ xác định điều khoản theo mẫu có phải là một nội dung của hợp đồng hay không. Nếu điều khoản theo mẫu là một phần của hợp đồng thì pháp luật hợp đồng Việt Nam sẽ xem xét nội dung của điều khoản theo mẫu có đảm bảo công bằng giữa các bên hay không. Trong trường hợp điều khoản theo mẫu có nội dung không rõ ràng, pháp luật hợp đồng Việt Nam cũng tiến hành giải thích điều khoản này. Tương tự như pháp luật hợp đồng Đức và Anh, pháp luật hợp đồng Việt Nam cũng sử dụng nguyên tắc *interpretatio contra proferentem* để giải thích các điều khoản do một bên soạn thảo nói chung và các điều khoản theo mẫu nói riêng có nội dung không rõ ràng.

3.1.4. Thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản

Trong pháp luật hợp đồng Đức, thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản được điều chỉnh bởi Điều 313 BLDS Đức trên cơ sở pháp điển hóa học thuyết về cơ sở của hợp đồng đã được Tòa án Đức làm mới và áp dụng thành công cùng nguyên tắc thiện chí để giải quyết các tranh chấp do có sự thay đổi hoàn cảnh cơ bản.

Điều 313 BLDS Đức đã đưa ra cơ sở khách quan của hợp đồng, cơ sở chủ quan của hợp đồng và những trường hợp việc điều chỉnh hợp đồng là không phù hợp. Theo đó, cho phép một bên trong quan hệ hợp đồng yêu cầu đàm phán lại hợp đồng nếu việc tiếp tục thực hiện hợp đồng là không hợp lý do hoàn cảnh là cơ sở của hợp đồng đã thay đổi đáng kể so với thời điểm các bên ký kết hợp đồng và các bên sẽ không ký kết hợp đồng hoặc ký kết hợp đồng với nội dung hoàn toàn khác nếu dự đoán được sự thay đổi hoàn cảnh này. Việc xác định một bên có quyền yêu cầu đàm phán lại hợp đồng hay không phụ thuộc vào hoàn cảnh cụ thể của vụ việc, đặc biệt là sự phân bổ rủi ro được các bên ghi nhận trong hợp đồng cũng như trong luật. Điều 313 BLDS Đức còn nêu rõ nếu các bên cùng hiểu không đúng về cở sở của hợp đồng và điều này chỉ được các bên phát hiện sau khi hợp đồng đã được xác lập thì cũng được coi là đã có sự kiện thay đổi hoàn cảnh cơ bản của hợp đồng. Bên cạnh đó, Điều 313 chỉ ra hệ quả pháp lý khi cơ sở của hợp đồng không còn. Theo đó, trước hết các bên phải nỗ lực đàm phán lại hợp đồng. Trong trường hợp các bên không đạt được thỏa thuận về sửa đổi hợp đồng thì bên có lợi ích bị ảnh hưởng có thể yêu cầu chấm dứt hợp đồng. Mặc dù Điều 313 BLDS Đức không chỉ rõ việc hạn chế áp dụng điều khoản này để giải quyết các tranh chấp do có sự thay đổi hoàn cảnh cơ bản nhưng thực tiễn xét xử của Tòa án Đức đã chứng minh việc áp dụng điều khoản này là hết sức hãn hữu. Do vậy, về nguyên tắc cho dù việc thực hiện nghĩa vụ của một bên có trở nên khó khăn hơn so với dự tính ban đầu do có sự thay đổi hoàn cảnh của hợp đồng thì bên có nghĩa vụ vẫn phải thực hiện hợp đồng.

Điều 313 BLDS Đức có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với các hệ thống pháp luật trên thế giới bởi điều khoản này đã truyền cảm hứng cho các văn bản pháp lý quốc tế, khu vực có liên quan đến lĩnh vực hợp đồng như PICC, PECL và từ các văn bản pháp lý này tiếp tục truyền cảm hứng cho pháp luật hợp đồng của nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam.

Trong pháp luật hợp đồng Anh, thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản được điều chỉnh bởi học thuyết *frustration.* Ban đầu, học thuyết *frustration* chỉ được áp dụng hạn chế đối với trường hợp hợp đồng không thể thực hiện được do một bên chết hoặc tài sản là đối tượng của hợp đồng bị tiêu hủy nhưng sau đó phạm vi của học thuyết này đã được mở rộng đến các trường hợp mặc dù hợp đồng vẫn có thể thực hiện được nhưng các bên không đạt được mục đích đặt ra khi ký kết hợp đồng *(frustration of purpose)*.

Có thể nhận thấy pháp luật hợp đồng Anh chỉ cho phép miễn trách nhiệm thực hiện hợp đồng đối với trường hợp bất khả kháng và mục đích hợp đồng không đạt được. Theo đó, các biến động về kinh tế cho dù rất khốc liệt cũng không dẫn tới việc áp dụng học thuyết *frustration* và ngay cả khi được áp dụng thì hệ quả của việc áp dụng học thuyết này là hợp đồng bị chấm dứt - điều các bên

trong nhiều trường hợp không mong muốn. Điều này một phần là do pháp luật hợp đồng Anh không thừa nhận nghĩa vụ thiện chí chung trong quan hệ hợp đồng. Khía cạnh tích cực của quan điểm cứng rắn của pháp luật hợp đồng Anh trong việc áp dụng học thuyết *frustration* là các bên buộc phải chú ý hơn trong việc soạn thảo và ghi nhận các điều khoản để có thể ứng phó với sự thay đổi hoàn cảnh của hợp đồng.

Trong pháp luật hợp đồng Việt Nam hiện nay, thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản được điều chỉnh bởi Điều 420 BLDS 2015. Theo đó, nguyên tắc chung là cho phép bên có nghĩa vụ được yêu cầu bên có quyền đàm phán lại hợp đồng khi có sự thay đổi hoàn cảnh cơ bản nhằm thiết lập lại tình trạng cân bằng vốn có của hợp đồng. Điều 420 BLDS 2015 có nhiều yếu tố tích cực như: (1) đưa ra cơ sở pháp lý chung của pháp luật hợp đồng Việt Nam trong điều chỉnh mọi quan hệ hợp đồng bị xáo trộn khi có sự thay đổi hoàn cảnh cơ bản, (2) trao quyền yêu cầu đàm phán lại hợp đồng cho bên có nghĩa vụ (bên bất lợi do chịu ảnh hưởng của sự thay đổi hoàn cảnh cơ bản) khi có sự thay đổi hoàn cảnh cơ bản do các yếu tố khách quan, (3) bảo vệ bên bất lợi do chịu ảnh hưởng của sự thay đổi hoàn cảnh cơ bản tránh được thiệt hại quá mức mà hoàn cảnh thay đổi cơ bản gây ra, và (4) giúp các bên trong quan hệ hợp đồng lấy lại được sự cân bằng vốn có ở thời điểm hợp đồng được xác lập qua đó đạt được mục đích giao kết hợp đồng.

Mặc dù Điều 420 BLDS 2015 không ghi nhận trực tiếp nghĩa vụ thiện chí của các bên trong quan hệ hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản nhưng dựa trên khoản 3 Điều 3 BLDS 2015 – điều khoản điều chỉnh mọi khía cạnh của đời sống hợp đồng, có thể nhận thấy sự chi phối của nguyên tắc thiện chí trong quan hệ này. Việc ghi nhận Điều 420 BLDS 2015 cho thấy các nhà lập pháp Việt Nam đã chính thức thừa nhận chức năng điều chỉnh của nguyên tắc thiện chí, qua đó bảo đảm cân bằng quyền và lợi ích giữa các bên trong hợp đồng cũng như bảo đảm sự cân bằng giữa lợi ích của các bên trong hợp đồng với lợi ích của xã hội, góp phần tạo ra sự ổn định trong quan hệ hợp đồng, thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển thông qua việc khuyến khích các bên tiếp tục thực hiện hợp đồng. Có thể nói Điều 420 BLDS 2015 là công cụ hữu hiệu định hướng hành xử thiện chí của các bên trong quan hệ hợp đồng cũng như là cơ sở pháp lý quan trọng để Tòa án điều chỉnh hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản.

3.2. Nguyên tắc thiện chí trong giai đoạn chấm dứt hợp đồng

3.2.1. Nguyên tắc thiện chí trong giai đoạn chấm dứt hợp đồng của pháp luật hợp đồng Đức

Về nguyên tắc, theo pháp luật hợp đồng Đức chấm dứt hợp đồng là tuyên bố ý chí đơn phương của bên bị vi phạm nhưng việc thực hiện quyền này cũng chịu một số hạn chế thể hiện dưới các khía cạnh sau:

Một là, thông báo gia hạn. Cơ chế thông báo gia hạn trong pháp luật hợp đồng Đức đã hạn chế quyền chấm dứt hợp đồng một cách tùy tiện hoặc không thiện chí của bên bị vi phạm. Quyền chấm dứt hợp đồng của bên bị vi phạm cũng bị hạn chế thông qua yêu cầu về tính hợp lý của thời hạn gia hạn thực hiện hợp đồng, theo đó nếu bên bị vi phạm đưa ra thời hạn gia hạn thực hiện hợp đồng quá ngắn thì Tòa án sẽ dựa trên nguyên tắc thiện chí được quy định tại Điều 242 BLDS Đức để kéo dài thời hạn này một cách hợp lý hay đòi hỏi thời hạn gia hạn thực hiện hợp đồng phải phù hợp với nguyên tắc thiện chí. Việc hạn chế quyền chấm dứt hợp đồng của bên bị vi phạm liên quan đến thông báo gia hạn thực hiện hợp đồng còn được thể hiện qua việc không công nhận hiệu lực của các điều khoản có mục đích loại trừ nghĩa vụ thông báo gia hạn thực hiện hợp đồng của bên bị vi phạm nếu điều khoản này do bên bị vi phạm đưa ra.

Hai là, mức độ vi phạm hợp đồng. Pháp luật hợp đồng Đức mặc dù không đặt ra điều kiện làm phát sinh quyền chấm dứt hợp đồng là hành vi vi phạm hợp đồng phải mang tính nghiêm trọng nhưng không cho phép bên bị vi phạm chấm dứt hợp đồng nếu hành vi vi phạm hợp đồng của bên có nghĩa vụ là không đáng kể. Do đó, nếu hành vi vi phạm hợp đồng là không đáng kể thì hành vi chấm dứt hợp đồng của bên bị vi phạm sẽ bị xem là trái với yêu cầu của nguyên tắc thiện chí.

Ba là, tính công bằng và tính hợp lý. Bên bị vi phạm không được chấm dứt toàn bộ hợp đồng nếu nghĩa vụ theo hợp đồng được thực hiện thành nhiều phần và bên bị vi phạm đã nhận được lợi ích từ việc thực hiện một phần nghĩa vụ hoặc hành vi vi phạm hợp đồng của bên có nghĩa vụ hoàn toàn hoặc chủ yếu do lỗi của bên bị vi phạm hoặc thời hạn thực hiện quyền chấm dứt hợp đồng đã kết thúc nhưng bên có quyền không thực hiện quyền đó.

Bốn là, nghĩa vụ hạn chế tổn thất. Theo pháp luật hợp đồng Đức, quyền chấm dứt hợp đồng của bên bị vi phạm không loại trừ quyền yêu cầu bồi thường của bên này đối với những thiệt hại là hệ quả của hành vi vi phạm hợp đồng nhưng mức bồi thường mà bên bị vi phạm có thể nhận được phụ thuộc rất lớn vào việc bên bị vi phạm có hành xử phù hợp với nguyên tắc thiện chí hay không. Nghĩa là, mức bồi thường thiệt hại mà bên bị vi phạm nhận được sẽ được xác định dựa trên đánh giá bên bị vi phạm có lỗi hay không trong việc để thiệt hại xảy ra hoặc tăng thêm. Nếu bên bị vi phạm không thực hiện bất cứ biện pháp nào nằm trong khả năng của mình để giảm thiểu thiệt hại xảy ra do hành vi vi phạm hợp đồng của bên có nghĩa vụ thì bên bị vi phạm bị xem là có một phần lỗi đối với thiệt hại xảy ra và mức bồi thường thiệt hại mà bên này có thể nhận được sẽ giảm đi tương ứng với thiệt hại có thể tránh được nếu bên này thực hiện những biện pháp mà một người bình thường trong hoàn cảnh tương tự sẽ thực hiện để giảm thiểu tổn thất.

Có thể nhận thấy các quy định trực tiếp hạn chế quyền chấm dứt hợp đồng của pháp luật hợp đồng Đức đã phản ánh tinh thần của nguyên tắc thiện chí trong giai đoạn chấm dứt hợp đồng bởi chúng đều hướng tới hạn chế khả năng lạm quyền cũng như đòi hỏi bên bị vi phạm phải quan tâm đến lợi ích của bên vi phạm trên cơ sở đánh giá, cân nhắc lợi ích của các bên trong quan hệ hợp đồng một cách hợp lý. Như vậy, vai trò của nguyên tắc thiện chí trong giai đoạn chấm dứt hợp đồng của pháp luật hợp đồng Đức được thể hiện gián tiếp qua việc xác định mức bồi thường thiệt hại mà bên bị vi phạm nhận được phụ thuộc rất lớn vào việc bên bị vi phạm có hành xử phù hợp với nguyên tắc thiện chí hay không.

3.2.2. Nguyên tắc thiện chí trong giai đoạn chấm dứt hợp đồng của pháp luật hợp đồng Anh

Theo pháp luật hợp đồng Anh, hợp đồng không tự động chấm dứt khi có hành vi vi phạm hợp đồng mà hành vi này chỉ làm phát sinh quyền chấm dứt hợp đồng của bên bị vi phạm, nghĩa là bên bị vi phạm hợp đồng có quyền lựa chọn giữa xác nhận hiệu lực của hợp đồng và chấm dứt hợp đồng nhưng khi đã đưa ra lựa chọn thì bên bị vi phạm không thể thay đổi quyết định của mình. Sự phát sinh của quyền chấm dứt hợp đồng trong pháp luật hợp đồng Anh phụ thuộc vào bản chất của điều khoản hợp đồng bị vi phạm hoặc hậu quả do hành vi vi phạm hợp đồng gây ra cho bên bị vi phạm, nói cách khác, về nguyên tắc quyền chấm dứt hợp đồng của bên bị vi phạm chỉ phát sinh khi hành vi vi phạm hợp đồng của bên có nghĩa vụ là nghiêm trọng.

Để loại bỏ sự tùy tiện hoặc không thiện chí trong việc thực hiện quyền chấm dứt hợp đồng của bên bị vi phạm, pháp luật hợp đồng Anh sử dụng một số giải pháp trực tiếp hoặc gián tiếp để hạn chế quyền chấm dứt hợp đồng của bên này.

Một là, đòi hỏi về mức độ vi phạm hợp đồng đối với chấm dứt hợp đồng theo pháp luật. Quyền chấm dứt hợp đồng của bên bị vi phạm chỉ phát sinh nếu thỏa mãn điều kiện cốt yếu là hành vi vi

phạm hợp đồng của bên có nghĩa vụ phải đủ nghiêm trọng (xác định dựa trên loại điều khoản hợp đồng bị vi phạm). Nếu bên có nghĩa vụ vi phạm điều khoản cơ bản thì bên bị vi phạm có quyền chấm dứt hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu có thiệt hại xảy ra. Nếu bên có nghĩa vụ vi phạm điều khoản không định danh thì bên bị vi phạm chỉ có quyền chấm dứt hợp đồng nếu hành vi vi phạm đó gây ra hậu quả nghiêm trọng.

Hai là, mức độ vi phạm hợp đồng đối với chấm dứt hợp đồng theo thỏa thuận. Quyền chấm dứt hợp đồng theo thỏa thuận không đòi hỏi hành vi vi phạm hợp đồng của bên có nghĩa vụ phải mang tính nghiêm trọng hay pháp luật hợp đồng Anh không có cơ chế hạn chế quyền chấm dứt hợp đồng theo thỏa thuận ngay cả khi hành vi vi phạm hợp đồng là không đáng kể nếu điều khoản này được thể hiện một cách rõ ràng. Tuy nhiên, Tòa án Anh sẽ can thiệp vào thỏa thuận giữa các bên để loại bỏ sự bất công mà điều khoản chấm dứt hợp đồng có thể gây ra nếu điều khoản này được bên bị vi phạm cố ý giải thích theo nghĩa đen của câu chữ.

Như vậy, mặc dù không thừa nhận nguyên tắc thiện chí chung nhưng pháp luật hợp đồng Anh cũng ít nhiều sử dụng yếu tố thiện chí để hạn chế quyền chấm dứt hợp đồng của bên bị vi phạm như đưa ra điều kiện làm phát sinh quyền chấm dứt hợp đồng phải là hành vi vi phạm nghiêm trọng đối với quyền chấm dứt hợp đồng theo luật hay sử dụng biện pháp giải thích hợp đồng đối với quyền chấm dứt hợp đồng theo thỏa thuận.

Ba là, việc thực hiện quyền lựa chọn của bên bị vi phạm. Khi bên bị vi phạm lựa chọn quyền chấm dứt hợp đồng thì khả năng bên vi phạm có thể ngăn cản bên bị vi phạm thực hiện quyền này là rất thấp hay pháp luật hợp đồng Anh nhìn chung sẽ tôn trọng tuyệt đối quyền lựa chọn việc chấm dứt hợp đồng của bên bị vi phạm. Nghĩa là về cơ bản bên vi phạm hợp đồng không có cơ hội để sửa chữa hành vi vi phạm cũng như không thể đòi hỏi bên bị vi phạm phải hành xử một cách thiện chí trong việc thực hiện quyền chấm dứt hợp đồng. Mặc dù không thừa nhận quyền được sửa chữa hành vi vi phạm của bên vi phạm hợp đồng cũng như không thừa nhận nghĩa vụ thiện chí của bên bị vi phạm trong giai đoạn chấm dứt hợp đồng nhưng pháp luật hợp đồng Anh cũng hạn chế quyền này dựa trên học thuyết về quyền lựa chọn và học thuyết về cấm tự mâu thuẫn.

Bốn là, nghĩa vụ hạn chế tổn thất. Bên cạnh các giải pháp trực tiếp hạn chế quyền chấm dứt hợp đồng, pháp luật hợp đồng Anh đã sử dụng học thuyết về hạn chế tổn thất nhằm gián tiếp hạn chế quyền chấm dứt hợp đồng của bên bị vi phạm thông qua việc giảm mức bồi thường thiệt hại mà thông thường bên bị vi phạm sẽ được nhận khi hợp đồng chấm dứt do bị vi phạm nghiêm trọng. Trên thực tế học thuyết về hạn chế tổn thất đã phần nào hạn chế quyền tự do lựa chọn giữa chấm dứt hợp đồng và xác nhận hiệu lực hợp đồng của bên bị vi phạm (hạn chế quyền chấm dứt hợp đồng của bên bị vi phạm) bởi thông qua việc giảm đáng kể mức bồi thường thiệt hại, học thuyết này đã khuyến khích bên bị vi phạm chấp nhận đề nghị sửa lỗi của bên vi phạm (xác nhận hiệu lực của hợp đồng bị vi phạm).

3.2.3. Nguyên tắc thiện chí trong giai đoạn chấm dứt hợp đồng của pháp luật hợp đồng Việt Nam

Tương tự pháp luật Đức và Anh, pháp luật hợp đồng Việt Nam cũng trao cho bên bị vi phạm quyền lựa chọn biện pháp khắc phục hành vi vi phạm khi hành vi vi phạm hợp đồng đáp ứng được điều kiện làm phát sinh quyền chấm dứt hợp đồng. Để giúp các bên đạt được mục đích giao kết hợp đồng ở mức cao nhất, pháp luật hợp đồng Việt Nam trực tiếp hoặc gián tiếp hạn chế quyền chấm dứt hợp đồng của bên bị vi phạm ở các khía cạnh sau:

Một là, mức độ vi phạm hợp đồng. Đối với chấm dứt hợp đồng theo thỏa thuận, pháp luật hợp đồng Việt Nam không đặt ra điều kiện về tính nghiêm trọng của hành vi vi phạm nhưng để có thể

thực hiện quyền chấm dứt hợp đồng theo quy định của pháp luật, pháp luật hợp đồng Việt Nam đòi hỏi hành vi vi phạm hợp đồng của bên có nghĩa vụ phải mang tính nghiêm trọng. Sự hạn chế quyền chấm dứt hợp đồng của bên bị vi phạm còn được thể hiện thông qua quy định buộc bên bị vi phạm hợp đồng phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với hành vi chấm dứt hợp đồng không có căn cứ. Như vậy, quy định về mức độ "nghiêm trọng" của hành vi vi phạm để làm phát sinh quyền chấm dứt hợp đồng theo pháp luật cũng như quy định không cho phép chấm dứt hợp đồng không có căn cứ cho thấy pháp luật hợp đồng Việt Nam đã có cơ chế hạn chế việc chấm dứt hợp đồng một cách tùy tiện, không thiện chí của bên bị vi phạm.

Hai là, gia hạn thực hiện hợp đồng. Về nguyên tắc, pháp luật hợp đồng Việt Nam không buộc bên bị vi phạm phải trao cho bên vi phạm hợp đồng cơ hội thứ hai để sửa chữa hành vi vi phạm như pháp luật hợp đồng Đức nhưng trong một số trường hợp nhất định, pháp luật hợp đồng Việt Nam cũng buộc bên bị vi phạm phải gia hạn thực hiện hợp đồng cho bên vi phạm mà không được phép chấm dứt hợp đồng ngay lập tức và buộc bên bị vi phạm phải trao cho bên vi phạm cơ hội sửa chữa hành vi vi phạm trong một thời hạn hợp lý và bên bị vi phạm chỉ có quyền chấm dứt hợp đồng khi thời gian gia hạn đã kết thúc mà bên vi phạm hợp đồng vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ.

Ba là, phạm vi thực hiện quyền chấm dứt hợp đồng. Sự hạn chế quyền chấm dứt hợp đồng của bên bị vi phạm còn được thể hiện qua quy định hạn chế phạm vi thực hiện quyền này dựa trên tiêu chí về tính hợp lý và công bằng – một trong những biểu hiện của nguyên tắc thiện chí để điều chỉnh quan hệ hợp đồng mua bán và bảo vệ lợi ích của bên có nghĩa vụ.

Bốn là, hạn chế thỏa thuận chấm dứt hợp đồng. Khi xem xét yêu cầu chấm dứt hợp đồng theo thỏa thuận, pháp luật hợp đồng Việt Nam không chỉ xác định hành vi vi phạm hợp đồng có là điều kiện chấm dứt hợp đồng hay không mà còn xem xét điều khoản chấm dứt hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận có vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội hay không cũng như xem xét việc thực hiện quyền chấm dứt hợp đồng của bên bị vi phạm có phù hợp với nguyên tắc thiện chí hay không. Như vậy, cho dù các bên có thỏa thuận về chấm dứt hợp đồng do vi phạm thì cơ quan tư pháp vẫn cần có sự kiểm soát để đảm bảo quyền chấm dứt hợp đồng đều phải được thực hiện *"một cách thiện chí, trung thực"*. Bên cạnh đó nếu điều khoản chấm dứt hợp đồng không rõ ràng thì điều khoản này phải được giải thích phù hợp với tính chất của hợp đồng cũng như ý chí của các bên, đặc biệt là phù hợp với nguyên tắc thiện chí và mức độ thiện chí trong việc thực hiện quyền chấm dứt hợp đồng của bên bị vi phạm, hệ quả là quyền chấm dứt hợp đồng theo thỏa thuận của bên bị vi phạm sẽ bị hạn chế thông qua việc giải thích hợp đồng.

Năm là, thông báo chấm dứt hợp đồng. Pháp luật hợp đồng Việt Nam chỉ xem việc thực hiện nghĩa vụ thông báo chấm dứt hợp đồng như một căn cứ để xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại chứ không xem việc thực hiện nghĩa vụ này như căn cứ làm phát sinh quyền chấm dứt hợp đồng, hơn nữa cũng không xem nghĩa vụ thông báo của bên bị vi phạm là căn cứ làm mất quyền chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên bị vi phạm không thực hiện nghĩa vụ này trong một thời gian hợp lý như pháp luật hợp đồng Đức và pháp luật hợp đồng Anh.

Mặc dù nghĩa vụ "thông báo chấm dứt hợp đồng" trong pháp luật hợp đồng Việt Nam không hạn chế trực tiếp quyền chấm dứt hợp đồng của bên bị vi phạm nhưng quy định việc không thực hiện nghĩa vụ này có thể dẫn tới trách nhiệm bồi thường thiệt hại của bên bị vi phạm đã phần nào gián tiếp hạn chế quyền của bên bị vi phạm bởi hành vi không thông báo chấm dứt hợp đồng của bên bị vi phạm tiềm ẩn nguy cơ gây thiệt hại lớn cho bên vi phạm hợp đồng. Do đó, đòi hỏi bên bị vi phạm phải thực hiện nghĩa vụ thông báo chấm dứt hợp đồng ngay cho bên vi phạm hợp đồng là yếu tố giúp loại bỏ sự thờ ơ, không quan tâm đến lợi ích của đối tác mà điều luật này hướng tới đã góp phần bảo

vệ lợi ích hợp pháp của bên vi phạm hợp đồng và đảm bảo việc bên bị vi phạm thực hiện nghĩa vụ thông báo chấm dứt hợp đồng một cách thiện chí.

Sáu là ngăn chặn, hạn chế tổn thất. Tương tự pháp luật hợp đồng Đức và Anh, chấm dứt hợp đồng theo pháp luật hợp đồng Việt Nam có thể được áp dụng đồng thời với bồi thường thiệt hại. Mức bồi thường mà bên bị vi phạm có thể nhận được phụ thuộc rất lớn vào việc bên bị vi phạm có thực hiện nghĩa vụ ngăn chặn, hạn chế tổn thất hay không. Điều đó có nghĩa là mức bồi thường thiệt hại mà bên bị vi phạm có thể nhận được sẽ giảm đi tương ứng với những thiệt hại mà bên này có thể ngăn chặn hoặc hạn chế được nếu bên này áp dụng các biện pháp cần thiết, hợp lý được xác định theo thước đo của một người bình thường trong hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp bên bị vi phạm lựa chọn việc chấm dứt hợp đồng và giao kết hợp đồng với người thứ ba với chi phí cao hơn đồng nghĩa với việc bên này đã không thực hiện nghĩa vụ ngăn chặn, hạn chế thiệt hại, do đó, bên bị vi phạm sẽ không được bồi thường toàn bộ thiệt hại mà anh ta gánh chịu. Như vậy, các quy định về nghĩa vụ ngăn chặn, hạn chế thiệt hại của pháp luật hợp đồng Việt Nam không chỉ góp phần giảm thiểu thiệt hại cho bên bị vi phạm mà còn góp phần giảm bớt các tác động về mặt tài chính do hành vi vi phạm gây ra cho bên vi phạm, qua đó góp phần giảm bớt các tác động xấu cho xã hội.

3.3. Kiến nghị Chương 3

3.3.1. Sửa đổi quy định về giải thích hợp đồng

Quy định về giải thích hợp đồng của BLDS 2015 còn một số điểm hạn chế như chưa khái quát được nguyên tắc giải thích hợp đồng, các căn cứ giải thích hợp đồng còn trùng lặp và thiếu rõ ràng nên đã sỏ sót một số yếu tố quan trọng cần được tính đến khi giải thích hợp đồng trong đó có nguyên tắc thiện chí.

Để khắc phục những hạn chế đó, Điều 404 BLDS 2015 nên được sửa lại như sau:

"Điều 404. Giải thích hợp đồng

1. Khi hợp đồng có điều khoản không rõ ràng thì việc giải thích điều khoản đó phải dựa trên ý chí ***chung*** *của các bên thay vì chỉ dựa vào ngôn từ của hợp đồng.*

Nếu không xác định được ý chí chung của các bên thì hợp đồng sẽ được giải thích theo cách hiểu của một người bình thường có cùng phẩm chất và ở cùng hoàn cảnh với các bên giao kết hợp đồng.

2. Các yếu tố cần được xem xét khi giải thích hợp đồng:

a. Xử sự của các bên trong toàn bộ quá trình trước, tại thời điểm xác lập, thực hiện hợp đồng,

b. Hoàn cảnh giao kết hợp đồng,

c. Thói quen đã được thiết lập giữa các bên,

d. Bản chất và mục đích của hợp đồng,

e. Tập quán tại địa điểm giao kết hợp đồng,

f. Nguyên tắc thiện chí.

3. Các điều khoản trong hợp đồng phải được giải thích trong mối liên hệ với nhau, sao cho ý nghĩa của các điều khoản đó phù hợp với toàn bộ nội dung hợp đồng.

4. Trường hợp bên soạn thảo đưa vào hợp đồng nội dung bất lợi cho bên kia thì hợp đồng phải được giải thích theo hướng có lợi cho kia."

3.3.2. Sửa đổi quy định về hợp đồng theo mẫu

Quy định điều chỉnh các điều khoản soạn sẵn tại Điều 405, Điều 406 BLDS 2015 BLDS 2015 có một số hạn chế như vẫn còn hàm chứa nguy cơ bất lợi cho bên không soạn thảo, phạm vi kiểm

soát nhằm loại bỏ tính bất công của điều khoản theo mẫu có phần hạn chế, trùng lắp, ... Do đó, Điều 405, Điều 406 BLDS 2015 nên được tái cấu trúc như sau:

"Điều 405. Hợp đồng theo mẫu

1. Hợp đồng theo mẫu là hợp đồng gồm những điều khoản do một bên đưa ra theo mẫu để bên kia trả lời trong một thời gian hợp lý; nếu bên được đề nghị trả lời chấp nhận thì coi như chấp nhận toàn bộ nội dung hợp đồng theo mẫu mà bên đề nghị đã đưa ra.

2. Bên soạn thảo phải chỉ dẫn rõ ràng cho bên kia về các điều khoản theo mẫu và tạo điều kiện một cách hợp lý để bên kia có thể nhận biết nội dung của các điều khoản này.

3. Mọi điều khoản theo mẫu tạo ra sự chênh lệch quá mức về quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng theo hướng có lợi cho bên soạn thảo đều không có hiệu lực."

Điều 406. Điều kiện giao dịch chung

....

3. Mọi điều khoản theo mẫu trong điều kiện giao dịch chung tạo ra sự chênh lệch quá mức về quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng theo hướng có lợi cho bên soạn thảo đều không có hiệu lực."

Điều 406 a. Điều khoản theo mẫu bất công

Một điều khoản theo mẫu bị xem là bất công nếu trái với nguyên tắc thiện chí, dẫn đến chênh lệch quá mức về quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng theo hướng có lợi cho bên soạn thảo.

3.3.3. Sửa đổi quy định về thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản

Điều 420 BLDS 2015 về thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản mang nhiều ý nghĩa tích cực về phương diện pháp lý cũng như kinh tế xã hội nhưng cũng chứa đựng một số hạn chế nhất định như không chỉ rõ điều khoản về thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản là ngoại lệ của nguyên tắc *pacta sunt servanda,* không đòi hỏi bên được giả định là có lợi ích bị ảnh hưởng phải đưa ra cơ sở cho việc thực hiện quyền yêu cầu đàm phán lại hợp đồng.

Để khắc phục hạn chế này, theo NCS cần bổ sung một khoản đặt trước khoản 1 Điều 420 BLDS để nhấn mạnh hiệu lực bắt buộc của hợp đồng, đồng thời chỉ rõ tính chất ngoại lệ của Điều 420 BLDS 2015 là *"Các bên có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của mình kể cả khi việc thực hiện nghĩa vụ đã trở nên khó khăn hơn do chi phí thực hiện hợp đồng tăng lên hay do giá trị của việc thực hiện hợp đồng giảm xuống".* Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 420 BLDS 2015 nên bổ sung yêu cầu bên được giả định có lợi ích bị ảnh hưởng phải đưa ra cơ sở cho việc thực hiện quyền, theo đó khoản 2 Điều 420 BLDS 2015 nên được sửa là: "*Trong trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản, bên có lợi ích bị ảnh hưởng có quyền yêu cầu bên kia đàm phán lại hợp đồng. Việc thực hiện quyền yêu cầu đàm phán lại hợp đồng phải được thực hiện trong một thời hạn hợp lý và có cơ sở*".

3.3.4. Sửa đổi các quy định về hạn chế quyền chấm dứt hợp đồng

Về cơ bản các quy định của pháp luật hợp đồng Việt Nam liên quan đến hạn chế quyền chấm dứt hợp đồng còn một số hạn chế cần được khắc phục như sau:

Một là cần sử dụng thống nhất thuật ngữ trong BLDS và Luật Thương mại.

Hai là, nên khái quát nghĩa vụ gia hạn của bên bị vi phạm trong trường hợp hành vi vi phạm là không nghiêm trọng với tính cách là một quy định chung áp dụng cho mọi loại hợp đồng nhằm tạo cơ sở giúp các bên đạt được mục đích giao kết hợp đồng cũng như đảm bảo việc bên bị vi phạm sẽ hành xử thiện chí, cẩn trọng, quan tâm đến lợi ích của đối tác.

Thứ ba, cần bổ sung quy định chung điều chỉnh mọi hợp đồng có nghĩa vụ được thực hiện thành nhiều lần theo hướng chỉ cho phép bên bị vi phạm chấm dứt một phần hợp đồng tương ứng với một

lần vi phạm nhất định nếu bên này đã nhận được lợi ích từ những lần thực hiện nghĩa vụ trước đó, tuy nhiên, bên bị vi phạm sẽ có quyền chấm dứt toàn bộ hợp đồng nếu hành vi vi phạm ở một lần nhất định nghiêm trọng tới mức làm mất đi toàn bộ ý nghĩa của các lần thực hiện nghĩa vụ trước đó.

Thứ tư, quy định về nghĩa vụ thông báo chấm dứt hợp đồng của bên bị vi phạm trong pháp luật hợp đồng Việt Nam nên được sửa theo hướng kể từ thời điểm biết về hành vi vi phạm hợp đồng thì bên bị vi phạm phải thực hiện nghĩa vụ thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia trong một thời gian hợp lý, nếu vi phạm nghĩa vụ này thì bên bị vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.

KẾT LUẬN CHUNG

Nguyên tắc thiện chí là một nguyên tắc quan trọng của pháp luật dân sự nói chung và pháp luật hợp đồng nói riêng. Nguyên tắc thiện chí có lịch sử lâu đời xuất phát từ đòi hỏi tất yếu của xã hội loài người và trong suốt quá trình phát triển, nguyên tắc thiện chí đã được làm phong phú nhờ tiếp nhận tinh hoa của nhân loại qua các thời kỳ. Trong những thập kỷ gần đây, sự thừa nhận nguyên tắc thiện chí trong các hệ thống pháp luật hợp đồng hiện đại ngày càng được mở rộng. Tuy nhiên, các hệ thống pháp luật vẫn có sự khác biệt nhất định trong việc ghi nhận nguyên tắc này do có sự nhìn nhận khác nhau về phạm vi của nguyên tắc tự do hợp đồng. Hệ quả là pháp luật hợp đồng Đức và pháp luật hợp đồng Việt Nam xem nguyên tắc thiện chí là nguyên tắc chung điều chỉnh mọi giai đoạn của đời sống hợp đồng trong khi pháp luật hợp đồng Anh không xem thiện chí là nguyên tắc chung và thay vào đó đã sử dụng một số học thuyết pháp lý để điều chỉnh đời sống hợp đồng với tính cách là các giải pháp từng phần thay thế cho nguyên tắc thiện chí.

Luận án tập trung xây dựng và hệ thống hóa các vấn đề lý luận chung về nguyên tắc thiện chí cũng như phân tích, so sánh các biểu hiện cụ thể của nguyên tắc thiện chí trong toàn bộ đời sống hợp đồng của ba hệ thống pháp luật Đức, Anh và Việt Nam, từ đó chỉ ra những hạn chế của các quy định của BLDS 2015 là biểu hiện của nguyên tắc thiện chí trong giai đoạn tiền hợp đồng, giai đoạn thực hiện hợp đồng và chấm dứt hợp đồng. Bên cạnh đó, Luận án cũng tiến hành phân tích, bình luận các phán quyết vận dụng nguyên tắc thiện chí hoặc các giải pháp thay thế nguyên tắc thiện chí trong ba hệ thống pháp luật để làm sáng tỏ vai trò, tầm quan trọng của nguyên tắc thiện chí trong các hệ thống pháp luật này.

Trên cơ sở phân tích, so sánh pháp luật hợp đồng trong ba hệ thống pháp luật, luận án đã chỉ ra cho dù có những khác biệt nhất định nhưng nhìn chung cách tiếp cận nguyên tắc thiện chí của pháp luật hợp đồng Việt Nam để điều chỉnh các giai đoạn của đời sống hợp đồng là khá hiện đại, phù hợp với xu thế pháp luật hợp đồng hiện đại trên thế giới, tuy nhiên, pháp luật hợp đồng Việt Nam mà cụ thể là BLDS 2015 vẫn cần có những chỉnh sửa nhất định để phát huy tối đa hiệu quả điều chỉnh.